

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 24 - 4 -2020

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 4 -2020
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm

Ông Hà Trọng Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1971 (Có mặt);

Địa chỉ: Số 93/115 khóm 8, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 93/115 khóm 8, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ tháng 5 năm 1990 nhưng đến ngày 07/02/2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Cà Mau. Quá trình chung sống theo bà H thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông H có tính gia trưởng, độc đoán, bạo lực và có những lời lẽ xúc phạm bà, mặc dù bà đã góp ý, khuyên ngăn nhưng ông H vẫn không sửa. Nay bà H cho rằng hôn nhân không còn hạnh phúc, bà không thể tiếp tục chung sống với ông H nên yêu cầu hòa giải quyết cho ly hôn. Đối với ông Nguyễn Văn H thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do tính ông nóng nảy không kiềm chế được nên có lời lẽ xúc phạm bà H. Tuy nhiên, hiện ông đã thấy được lỗi của mình nên hứa sẽ cố gắng khắc phục sửa đổi và ông

cho rằng đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình nên ông muốn được hàn gắn, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà H.

- Về con chung: Bà H, ông H xác định có 03 con chung tên Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 20/8/1990, Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 01/8/1996, Nguyễn Ngọc Cẩm Đ, sinh ngày 16/8/2000. Hiện các con đều đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu xem xét;

- Về tài sản chung: Bà H, ông H xác định tự thỏa thuận;

- Về nợ chung, nợ riêng: Bà H, ông H xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với ông Trần Văn H được xác định là tranh chấp về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Ông Nguyễn Văn H Tòa án đã triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ 2 nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn khởi kiện của bà Trần Thị H thấy rằng, bà H và ông H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố Cà Mau nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống ông H và bà H đều thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn theo bà H cho rằng ông H có tính gia trưởng, độc đoán và thường xuyên dùng vũ lực nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H. Bản thân ông H quá trình Tòa án hòa giải ông cũng thừa nhận tính ông có phần nóng nảy nên đôi lúc có lời lẽ xúc phạm bà H, hiện ông đã thấy được sai trái của bản thân nên hứa sẽ sửa đổi nên ông mong muốn được hàn gắn tiếp tục chung sống. Qua xem xét, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân cần phải được xây dựng dựa trên sự tôn trọng và vun đắp từ cả hai phía, mặc dù ông H mong muốn được hàn gắn tiếp tục chung sống với bà H nhưng bản thân bà H xét thấy không thể tiếp tục chung sống với ông H thì dù Hội đồng xét xử có bác yêu cầu của bà H thì hôn nhân của ông, bà cũng chỉ tồn tại về mặt pháp lý. Mặt khác, bản thân ông H muốn được hàn gắn nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông không đưa ra được bất kỳ giải pháp cụ thể nào để hàn gắn, tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với bà H và cũng không có mặt tại phiên tòa để trình bày nguyện vọng của mình, điều này thể hiện mâu thuẫn giữa ông bà đã thật sự trầm trọng, việc hàn gắn đã bế tắc, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc,

mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Ông H và bà H xác định có 03 con chung tên Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 20/8/1990, Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 01/8/1996, Nguyễn Ngọc Cẩm Đ, sinh ngày 16/8/2000 hiện các con đều đã trưởng thành nên Hội đồng không đặc ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông H và bà H xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông, bà xác định không có nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 36, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị H về việc xin ly hôn ông Nguyễn Văn H;
- Về con chung: Ông, bà xác định có 03 con chung tên Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 20/8/1990, Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 01/8/1996, Nguyễn Ngọc Cẩm Đ, sinh ngày 16/8/2000. Hiện các con đều đã trưởng thành nên ông, bà không đặt ra yêu cầu xem xét;
- Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- Về nợ chung: Không có.
- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ. Vào ngày 10/02/2020 bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0001390, được chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cà Mau;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân phường 7, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTPCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Trúc